

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 - 2023
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Chung

Ông Danh Lươl

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Thanh Việt là Luật sư thuộc Văn Phòng Luật sư Nguyễn Thy, đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn Lực là Luật sư thuộc Công ty TNHH Bình An – Chi nhánh Hậu Giang, đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn Q: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

2/ Ông Nguyễn Văn X: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

4/ Bà Trần Thị Tr, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

5/ Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Sơn Em, chức vụ: Chuyên viên – Phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt.

Địa chỉ: số 32, đường Nguyễn Công Trứ , phường I, thành phố Vị Thanh , tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên vào năm 2009. Vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Anh Tiễn không lo làm ăn , thường xuyên tụ tập ăn nhậu , khi về nhà thì chửi bới , đánh đập chị Lành. Vợ chồng anh chị ly thân từ ngày mừng 08/3/2021 (âl) cho đến nay. Hiện chị Lành vẫn còn chút tình cảm với anh Tiễn , nhưng nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không có kết quả nên chị L cương quyết xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Như H (nữ) sinh ngày: 07/9/2006, Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 08/7/2008, Nguyễn Thị Cẩm D (nữ) sinh ngày 22/9/2020. Cháu D hiện đang sống với chị L , cháu H và cháu L đang sống với anh T . Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D , đồng ý giao cháu H và cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng . Chị L chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có tạo lập được các phần đất như sau : Phần đất diện tích 4152,7m², tại thửa 1973, tờ bản đồ số 3, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01657, cấp ngày 28/3/2013; Phần đất diện tích 2629,3m², tại thửa 1972, tờ bản đồ số 3, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CH 01658, cấp ngày 28/6/2013; Phần đất nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn H, diện tích 02 công tằm 03m, phần đất này anh chị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Chị L yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt Chi nhánh Hậu Giang – Phòng giao dịch Long Mỹ số tiền 100.000.000 đồng; nợ tiền hụi của bà Trần Thị Tr số tiền 66.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn Xuyên 112.000.000 đồng. Chị L yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm trả số nợ này. Đối với số tiền anh T cho rằng ông X có nợ 100.000.000 đồng là không có, chị L không yêu cầu đòi với khoản tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn Tiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không đúng. Theo anh T thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không biết lý do gì mà vợ yêu cầu ly hôn. Nay chị Lành yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 03 con chung là Nguyễn Thị Như H (nữ) sinh ngày: 07/9/2006, Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 08/7/2008, Nguyễn Thị Cẩm D (nữ) sinh ngày 22/9/2020. Tuy nhiên, đối với cháu D, anh Tiến chưa thống nhất, anh yêu cầu giám định ADN đối với cháu D nhưng không giám định được nên anh Tiến đã rút lại đối với yêu cầu này. Khi ly hôn anh Tiến đồng ý giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tiến yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh và cháu L. Anh Tiến chưa yêu cầu chị Lành cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất có số tài sản theo lời trình bày của chị Lành là đúng, khi ly hôn anh Tiến thống nhất chia đôi.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt số tiền 100.000.000 đồng. Không thừa nhận có nợ tiền của bà Trần Thị Trầm và của ông Nguyễn Văn X. Ngoài ra, trong thời gian sống chung vợ chồng có cho ông Xuyên mượn số tiền 100.000.000 đồng để có 3,5 công tằm 3m, không nhớ năm nào. Nay anh Tiến yêu cầu ông Xuyên trả lại cho vợ chồng anh số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Quốc trình bày:

Phần đất vợ chồng chị L, anh T nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn H. Nguồn gốc đất trước đây là của ông, sau đó ông đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ngo, ông Ngo sử dụng được một thời gian thì chuyển nhượng cho ông Hưng và hiện tại ông H chuyển nhượng lại cho anh T, chị L. Phần đất này ông đã tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngo và không còn liên quan gì trong vụ kiện này. Ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Xuyên trình bày:

Ông X không nhớ chính xác thời gian, chỉ nhớ vào khoảng 10 năm về trước vợ chồng ông có cho anh T, chị L mượn số tiền 112.000.000 đồng, khi cho mượn không có làm giấy tờ gì. Số tiền này anh Tiến, chị Lành mượn để chuyển nhượng đất của ông Bùi Văn H. Khi đó ông giao tiền trực tiếp cho ông H, chứ không giao tiền cho anh Tiến, chị L nhưng lúc giao tiền có một số người chứng kiến. Ông Xuyên không thừa nhận có cố đất cho anh T, chị L.

Nay ông X yêu cầu anh T, chị L có trách nhiệm trả số tiền trên lại cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Xuyên và không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Tr trình bày:

Tính tới thời điểm hiện tại thì chị L và anh Tiến còn nợ bà Trầm 06 dây hụi chết với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Tr không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, khi nào cần thiết bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt cấp tín dụng cho anh Nguyễn Văn Tiến và chị Nguyễn Thị Cẩm Lành số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD803202002055 ngày 05/10/2020. Vay thời hạn tối đa là 11 tháng tính kể từ ngày tiếp theo của Ngân hàng giải ngân đầu tiên là ngày 06/10/2020 cho đến hết ngày 27/8/2021. Lãi suất cho vay trong hạn là 13,5%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%. Khoản vay trên đã chuyển n sang nợ quá hạn từ ngày 30/6/2021. Khi vay, không có làm giao dịch bảo đảm nhưng ngân hàng có giữ của anh Tiến, chị Lành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tính đến thời điểm hiện tại anh Tiến, chị Lành còn nợ ngân hàng số tiền 141.386.956 đồng (trong đó gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.866.964 đồng, lãi quá hạn là 36.519.992 đồng).

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt yêu cầu anh Tiến, chị Lành trả cho ngân hàng số tiền 141.386.956 đồng (trong đó gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.866.964 đồng, lãi quá hạn là 36.519.992 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm Lành đối với anh Nguyễn Văn Tiến.

Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Như H (nữ) sinh ngày: 07/9/2006, Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 08/7/2008 cho anh T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L chưa phải cấp dưỡng do anh T chưa yêu cầu.

Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm D (nữ) sinh ngày 22/9/2020 cho chị L tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh T chưa phải cấp dưỡng do chị L chưa yêu cầu.

Dành quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh T và chị L không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa anh T và chị L như sau: anh T được sở hữu thửa đất 1973, diện tích 4152,7m², tại tờ bản đồ số 3, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01657, cấp ngày 28/3/2013; chị L được sở hữu Phần đất diện tích 2.629,3m², tại thửa 1972, tờ bản đồ số 3, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01658, cấp ngày 28/6/2013. Đình chỉ đối với yêu cầu chia phần đất tại thửa 1081 của nguyên đơn.

Anh T và chị L có quyền liên hệ với cơ quan chuyên môn để điều chỉnh biến động đối với hai thửa đất trên theo quy định pháp luật.

Buộc anh T có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch cho chị L với số tiền 68.548.500đ.

Về nợ chung: buộc chị L và anh T có trách nhiệm trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định cho ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

Do tại phiên tòa anh T rút đơn yêu cầu đối với ông X nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T do đó đình chỉ đối với yêu cầu của anh T buộc ông X tuyên trả số tiền 100.000.000đ.

Tại phiên tòa ông X rút yêu cầu độc lập do đó ghi nhận sự tự nguyện và đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông X.

Về án phí, chi phí thẩm định: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình sống chung với anh Tiễn, chị Lành cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên anh chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Anh T thừa nhận trong thời gian sống chung vợ chồng cũng xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ và anh chị đã không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L cho rằng vợ chồng anh chị có 03 con chung, anh Tiễn không thừa nhận cháu Duyên là con. Theo Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng... 2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.” Tuy nhiên, anh T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cháu D không phải con chung của anh chị nên hội đồng xét xử xác định chị L và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Như H (nữ) sinh ngày: 07/9/2006, Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 08/7/2008, Nguyễn Thị Cẩm D (nữ) sinh ngày 22/9/2020. Tại phiên tòa hôm nay chị Lành và anh Tiễn thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Như H (nữ) sinh ngày: 07/9/2006, Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 08/7/2008 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Cẩm D (nữ) sinh ngày 22/9/2020 cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên hội đồng xét xử ghi nhận. Hơn nữa cháu Huỳnh và cháu Lam trên 07 tuổi, nguyện vọng của 02 cháu là muốn được sống chung với anh T. Do đó, hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Huỳnh và cháu L cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L và anh T chưa yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm phần đất diện tích 4.152,6m², tại thửa 1973, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; phần đất diện tích 2.629,3m², tại thửa 1972, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; phần đất thửa 1081, diện tích 2.600m², loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Khi ly hôn chị L và anh T thống nhất phân chia như sau : Chị Lành được sử dụng phần đất diện tích 2.629,3m², tại thửa 1972, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; anh Tiến được sử dụng phần đất diện tích 4.152,6m², tại thửa 1973, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Anh T có trách nhiệm hoàn trả phần chênh lệch lại cho chị Lành.

Đối với phần đất diện tích 2.600m², tại thửa 1081, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang chị L và anh T cùng thống nhất rút lại không yêu cầu chia nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về nợ chung:

[2.4.1] Có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt số tiền 141.386.956 đồng (trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 4.866.964 đồng, lãi quá hạn là 36.519.992 đồng). Chị L và anh T cùng thống nhất trả số nợ này cho ngân hàng nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4.2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn X rút lại yêu cầu về việc buộc chị L và anh T trả số tiền 112.000.000 đồng nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Văn T rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn X trả số tiền 100.000.000 đồng nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung : Chị Nguyễn Thị Cẩm L được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm D (nữ), sinh ngày 22/9/2020; Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như H (nữ) sinh ngày 07/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 08/7/2008.

Dành quyền thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung c ho chị L và anh T không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con : Chị Lành và anh Tiễn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Văn T được sở hữu phần đất diện tích 4.152,6m², tại thửa 1973, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. (có tứ cận như sau: giáp kênh thủy lợi 71,44m; giáp thửa 1082 là 74,08; giáp kênh thủy lợi đã lấp là 59,12m; giáp thửa 1083 là 55,36m), có lược đồ kèm theo.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L được sở hữu phần đất diện tích 2.629,3m², tại thửa 1972, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. (có tứ cận như sau: giáp thửa 1082 là 52,86m; giáp thửa 881 là 54,82; giáp thửa 1083 là 50,30m; giáp thửa 1084 là 47,86m) có lược đồ kèm theo.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn T có trách nhiệm hoàn trả giá trị phần chênh lệch là 68.548.500 đồng cho nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L.

- Về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt số tiền 141.386.956 đồng (trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 4.866.964 đồng, lãi quá hạn là 36.519.992 đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn X về việc buộc chị L và anh T trả số tiền 112.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố củ a bị đơn Nguyễn Văn T về việc yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn X trả số tiền 100.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L và anh T đối với phần đất tại thửa 1081, diện tích 2.600m², loại đất LUC, tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm : Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0006858 phiếu lập ngày 25/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Án phí chia tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 15.259.275 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 5.900.000 đồng đã nộp theo lai thu số 0006857, phiếu lập ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Do đó, chị L còn phải nộp thêm số tiền 9.359.275 đồng.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 15.259.275 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng đã nộp theo lai thu số 0006100, phiếu lập ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Do đó, anh T còn phải nộp thêm số tiền 14.009.275 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T phải nộp 7.069.347 đồng.

Ông Nguyễn Văn X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo lai thu số 0006086 phiếu lập ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo lai thu số 0006331 phiếu lập ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

- Chi phí tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 5.392.500 đồng (đã nộp xong).

Bị đơn Nguyễn Văn T phải nộp 5.392.500 đồng, nộp để hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng